TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH** Bản án số: 152/2021/HNGĐ-ST Ngày: 21-7-2021 V/v: Ly hôn giữa chị M và anh T	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thúy Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hóa;

Bà Phạm Thị Hồng Nguyên.

-***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Xuyến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 21 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm 10, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

Bị đơn: Anh Lê Cảnh T, sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm 10, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Chị M vắng mặt có lý do; anh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 15-3-2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Lê Cảnh T đăng ký kết hôn ngày 22-12-1992 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xóm 10, xã N. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng sau khi chị M sinh hai con thì anh T thường sống tệ bạc, không có tình

cảm với chị M. Anh T thường xuyên đánh chửi chị M, không cho chị quyền quyết định việc gì trong gia đình. Nhiều lần chị M phải bỏ về nhà ngoại ở vì bị anh T đánh nhưng bố mẹ đẻ chị M lại bắt chị phải về nhà với anh T. Do bị anh T đe dọa đánh nhiều lần nên từ tháng 3-2020, chị M không thể chịu đựng được cuộc sống chung cùng anh T nữa, chị về nhà ngoại ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị M nhận thấy không còn tình cảm với anh T nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Lê Thị Thanh H, sinh ngày 02-10-1994 và Lê Thị Lan A, sinh ngày 18-6-2000. Hiện nay hai con chung đều đã thành niên, tự lao động nên chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn anh Lê Cảnh T nhận: Thông báo thụ lý vụ án số 58/TB-TLVA ngày 02 tháng 4 năm 2021, bản sao đơn khởi kiện xin ly hôn của chị M, bản sao các tài liệu, chứng cứ mà chị M đã nộp. Anh T đã được triệu tập hợp lệ lên làm việc nhưng vắng mặt. Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đối với anh T. Như vậy, anh T đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng đến nay, anh T vẫn vắng mặt. Hết thời hạn theo luật định anh T không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị M. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị M xin vắng mặt giữ nguyên ý kiến như đã trình bày, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Cảnh T được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; chị Nguyễn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị M, anh T là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị M và anh Lê Cảnh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Uỷ ban nhân dân xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 22-12-1992. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại xóm 10, xã N huyện Hải Hậu, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng sau khi chị M sinh hai con thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên chửi bới chị M, có những hành vi bạo lực gia đình khiến chị M nhiều lần phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Từ tháng 3-2020, do cuộc sống chung với anh T bị nhiều áp lực nên chị M đã về hẳn nhà bố mẹ đẻ để ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M thì thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh T xuất phát từ tính cách, quan điểm sống của anh T thường áp đặt đối với chị M, không tôn trọng chị, ngoài ra anh còn có những hành vi bạo lực gia đình là nguyên nhân lớn nhất dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, căng thẳng. Từ đó, dẫn đến việc chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 3-2020, hai người đã sống ly thân và chấm dứt mọi tình cảm, trách nhiệm đối với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã biết việc chị M xin ly hôn nhưng không đến Tòa án làm việc, chứng tỏ bản thân anh T cũng không còn nguyện vọng chung sống với chị M. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị M đối với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung:* Chị M xác nhận vợ chồng có hai con chung là Lê Thị Thanh H, sinh ngày 02-10-1994 và Lê Thị Lan Anh, sinh ngày 18-6-2000 đều đã trưởng thành và tự lao động, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản*: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Toà án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Lê Cảnh T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0002555 ngày 02-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị M đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thúy Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Nguyên **Nguyễn Văn Hóa** **Phạm Thúy Nga**